TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thùy Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp PHX, xã PL, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Chí T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp TH, xã TNĐ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2021, nguyên đơn chị Lê Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim L và anh Đoàn Chí T quen biết từ năm 2006, sau đó phát sinh tình cảm yêu thương và chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới. Anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên chị mang theo con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến năm 2018,

anh chị quay lại chung sống với nhau vì muốn cho cả hai cơ hội và cho con có một mái ấm gia đình đầy đủ. Ngày 20/02/2019, anh chị được Uỷ ban nhân dân xã TNĐ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh T là người không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, thường vắng nhà, không cùng chị chia sẻ gánh nặng kinh tế để xây dựng gia đình; chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, vợ chồng chung sống cũng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm giữa anh chị ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn cũng dần nhiều hơn.

Tháng 9/2019, anh T bị tai biến, thời gian này chị vẫn ở cạnh chăm sóc. Sau đó, mẹ ruột chị bệnh nên chị phải về chăm sóc. Ngoài ra, mối quan hệ giữa chị và gia đình nhà chồng cũng không được tốt nên dần chị cũng ít qua lại thăm nom anh T. Vì vậy, đến tháng 7/2020 cả hai chính thức ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không thể nào hàn gắn được nữa nên chị L yêu cầu ly hôn anh Đoàn Chí T.

- Về con chung: Có 01 con tên Lê Huỳnh Bảo Kh, sinh ngày 28/01/2011. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Huỳnh Bảo Kh sau khi ly hôn (cháu Khang đang sống chung với chị L), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đoàn Chí T để làm việc và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt.

Tuy nhiên qua xác minh, mẹ ruột anh T là bà Phan Thị Bo B cho biết anh T, chị L là con trai ruột và con dâu của bà, hiện anh T đang sống chung với bà. Năm 2018, anh T bị tai biến, hiện đã liệt toàn thân, trừ cánh tay phải vẫn còn cử động được, việc nói chuyện gặp khó khăn nhưng anh vẫn nhận thức được. Sau khi anh T bệnh, lúc đầu chị L có chăm sóc nhưng được một thời gian thì bỏ về nhà cha mẹ ruột đến nay. Việc chị L yêu cầu ly hôn và đang được Tòa án giải quyết thì anh T đã biết khi nhận được các văn bản Tòa án tống đạt. Anh T đồng ý ly hôn để chị L tìm hạnh phúc khác, đồng ý giao Lê Huỳnh Bảo Kh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn vì tình trạng sức khỏe của anh như thế này sẽ không lo được cho vợ con và cháu Khang cũng đã sống ổn định với chị L từ nhỏ. Anh T và chị L chung sống không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai.

Phía gia đình anh T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tình trạng sức khỏe của anh T như hiện nay không thể đến Tòa án được, gia đình muốn anh T an tâm dưỡng bệnh, tránh làm xấu hơn tình trạng sức khỏe của anh T, bởi từ khi biết việc chị L yêu cầu ly hôn dù đồng ý nhưng tinh thần và sức khỏe của anh T đã bị ảnh hưởng rất nhiều.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử, nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án, vắng mặt trong phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, do anh T đang bị tai biến không thể đi lại được (trường hợp bất khả kháng) nên không thể cho là không chấp hành theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh T. Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung, giao cháu Lê Huỳnh Bảo Kh, sinh ngày 28/01/2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu Kh đã sống ổn định với chị L, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Chí T hiện cư trú tại ấp TH, xã TNĐ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nơi bị đơn cư trú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đoàn Chí T tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, do anh T đang bị tai biến không thể đi lại được (trường hợp bất khả kháng) nên không thể cho là không chấp hành theo quy định tại Điều 72 BLTTDS. Đồng thời, nguyên đơn chị Lê Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Kim L và anh Đoàn Chí T chung sống có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã TNĐ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/02/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng do anh T là người không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, thường vắng nhà, không

cùng chị chia sẻ gánh nặng kinh tế để xây dựng gia đình; chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, vợ chồng chung sống cũng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, giữa chị và gia đình nhà chồng cũng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Đồng thời, chị và anh T đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt không thể nào hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặt khác, qua xác minh ghi nhận ý kiến của mẹ ruột anh T – bà Phan Thị Bo B (có sự chứng kiến của anh T), được biết hiện tình trạng sức khỏe của anh T không tốt và đang liệt toàn thân nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L và giao con chung Lê Huỳnh Bảo Kh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh T và chị L ly thân, cháu Lê Huỳnh Bảo Kh vẫn tiếp tục sống chung với chị L, cuộc sống đã ổn định, bản thân chị L cũng đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời, quá trình giải quyết cháu Khang cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi chị L và anh T ly hôn. Do đó, nhằm tránh làm thay đổi môi trường sống của cháu Khang nên giao cháu Lê Huỳnh Bảo Kh, sinh ngày 28/01/2011 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim L. Chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Đoàn Chí T.

2. Về con chung: Giao Lê Huỳnh Bảo Kh, sinh ngày 28/01/2011 cho chị Lê Thị Kim L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Đoàn Chí T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh Đoàn Chí T không cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Kim L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014504 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Lê Thị Kim L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bán án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**